TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 01/9/2017
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

2. Ông Giàng Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017QĐXX-ST ngày 04/ 8/ 2017, Quyết định hoãn phiên toà số: 03/2017/QĐST-DS, ngày 21/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn V, huyện B, tỉnh H. "Có mặt"

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985. ĐKHKTT: Tổ 4, thị trấn V, huyện B, tỉnh H. Địa chỉ cơ quan: Bảo hiểm xã hội huyện X, tỉnh H. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2017, các lời khai và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện B vào ngày 17/12/2014. Sau khi kết hôn, chị sống

cùng với bố mẹ đẻ anh T1 tại tổ 4, thị trấn V, huyện B, còn anh T1 công tác tại Bảo hiểm xã hội huyện X chỉ đến cuối tuần mới về nhà. Trong ba tháng đầu của thời kỳ hôn nhân, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến tháng 4/2015, giữa chị với bố mẹ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến anh chị xô sát, cãi vã nhau. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên anh chị thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình phân tích, hoà giải nhưng quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng, chị đã cùng con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tổ 4, thị trấn V để sinh sống từ tháng 11/2016 cho đến nay, anh chị mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm, không quan tâm gì đến nhau. Đến nay chị L nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị có yêu cầu xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 khai: Anh T1 xác nhận việc anh chị kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị đúng như lời trình bày của chị L. Theo anh, mâu thuẫn vợ chồng anh chị chưa trầm trọng, nay chị L có yêu cầu ly hôn thì anh không nhất trí.

Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T1 đều khai nhận quá trình chung sống, anh chị có một con chung cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 14/8/2015. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu M và yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi cháu M với mức cấp dưỡng là 1.200.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, còn anh T1 xin được đoàn tụ để cùng chị L nuôi dạy con.

Về chia tài sản: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T1 đều khai nhận quá trình chung sống, anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết

Tại các biên bản xác minh ngày 17/7/2017 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với ông Nguyễn Văn T2 là bố đẻ anh Nguyễn Văn T1, với bà Bùi Thị T là mẹ đẻ chị Trần Thị L, tổ trưởng tổ dân phố số 4 nơi anh Nguyễn Văn T1 và chị Trần Thị L sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn tháng 12/2014, có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc. Đến tháng 8/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L với bố mẹ chồng dẫn đến anh chị xô sát, cãi vã nhau, mâu thuẫn giữa hai anh chị diễn ra trong thời gian dài đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên tháng 10/ 2016 chị L đã cùng con trở về nhà bố mẹ đẻ tại tổ 4, thị trấn V để sinh sống. Anh T1 và chị L mỗi người một nơi, không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đấy làm. Mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh T1 đã trầm trọng, không có khả năng trở lại đoàn tụ.

Tại biên bản xác minh ngày 09/8/2017 Giám đốc Bảo hiểm huyện X, tỉnh H cho biết: Anh Nguyễn Văn T1 là cán bộ hợp đồng của Bảo hiểm xã hội huyện X,

có thu nhập từ lương là 7.521.300đ (Bảy triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm đồng/ tháng).

Tại buổi hoà giải ngày 29/5/2017, anh T1 xin được đoàn tụ nhưng không đưa ra biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng. Toà án nhiều lần mở phiên hoà giải nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Toà án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay, Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn anh T1, về con chung chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi cháu M là 1.200.000 đồng / tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Về tài sản chung không có nên chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T1; về việc nuôi con chung đề nghị HĐXX, giao cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 14/8/2015 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và Hội đồng xét xử quyết định mức cấp dưỡng nuôi cháu M; về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 cư trú, làm việc tại huyện X, tỉnh H, anh T1 có yêu Toà án huyện Bắc Quang nơi nguyên đơn là chị Trần Thị L cư trú giải quyết vụ án "Ly hôn và tranh chấp nuôi con", căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án nhân dân huyện Bắc Quang tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T1 xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh

phúc. Đến tháng 8/2015 phát sinh mâu thuẫn giữa chị L với bố mẹ chồng dẫn đến anh chị xô sát, cãi vã nhau, mâu thuẫn giữa hai anh chị diễn ra trong thời gian dài đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Vì vậy đến tháng 10/ 2016 chị L đã phải cùng con trở về nhà bố mẹ đẻ tại tổ 4, thị trấn V để sinh sống, anh chị mỗi người một nơi, không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đấy làm. Tại buổi hoà giải lần đầu, anh T1 xin được đoàn tụ nhưng cũng không đưa ra biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng, vẫn bỏ mặc chị L và anh T1 vắng mặt tại các buổi hoà giải sau mà không có lý do. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đượ***c***. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, anh Nguyễn Văn T1 và chị Trần Thị L có một con chung, cháu là Nguyễn Hà M, sinh ngày 14/8/2015. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu M và yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi cháu M là 1.200.000đ/ tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Do cháu M còn nhỏ, mới 02 tuổi rất cần sự chăm sóc của chị L, yêu cầu nuôi con của chị L cũng xuất phát từ tình cảm, vì lợi ích của cháu M. Căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị L là có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Do anh T1 không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào mức thu nhập thực tế của anh T1 từ lương là 7.521.3000đ (Bảy triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm đồng)/ tháng và nhu cầu thiết yếu của cháu Nguyễn Hà M hiện nay nên mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu M là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng)/ tháng của chị L là có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản: Quá trình chung sống, anh chị không có tài sản chung nên chị L không yêu cầu giải quyết, vì vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 14/8/2015 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng)/ tháng, kể từ ngày 01/9/2017 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, người nhận tiền cấp dưỡng nuôi cháu M là chị Trần Thị L.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về chia tài sản: Chị L không yêu cầu, vì vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 03119, ngày 11/4/2017 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- UBND T.Trấn Việt Quang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Hồng